

giao ban kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết liên tịch theo định kỳ 1 năm một lần và có báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết liên tịch về Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**3.** Nghị quyết liên tịch có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường; các tỉnh, thành Hội phụ nữ và các Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**4.** Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc Hội phụ nữ và cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường các cấp kịp thời phản ánh về Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

KT. CHỦ TỊCH HỘI LIÊN HIỆP  
PHỤ NỮ VIỆT NAM

*Phó Chủ tịch*

**Nguyễn Phương Minh**

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN  
VÀ MÔI TRƯỜNG

*Thứ trưởng*

**Phạm Khôi Nguyễn**

## BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**THÔNG TƯ số 01/2005/TT-BKH**  
ngày **09/3/2005** hướng dẫn về  
việc triển khai thực hiện Quyết  
định của Thủ tướng Chính phủ  
về **Định hướng chiến lược phát  
triển bền vững ở Việt Nam**  
(Chương trình Nghị sự 21 của  
Việt Nam).

*Căn cứ Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg*  
*ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng*  
*Chính phủ về việc ban hành "Định hướng*  
*Chiến lược phát triển bền vững ở Việt*  
*Nam" (Chương trình Nghị sự 21 của Việt*  
*Nam);*

*Căn cứ Nghị định số 61/NĐ-CP ngày*  
*06/6/2003 của Chính phủ quy định chức*  
*năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ*  
*chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư*  
*hướng dẫn triển khai thực hiện Định*  
*hướng Chiến lược phát triển bền vững ở*  
*Việt Nam như sau:*

**I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC ĐỊNH  
HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM (CHƯƠNG  
TRÌNH NGHỊ SỰ 21 CỦA VIỆT NAM)**

**1. Mục tiêu của Chiến lược phát  
triển bền vững**

1.1. Mục tiêu Phát triển bền vững là nhằm đạt được sự đầy đủ về vật chất; sự giàu có về tinh thần và văn hóa; sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội; sự hài hòa giữa con người và tự nhiên.

1.2. Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai, đảm bảo sự phát triển hài hòa cả về 3 mặt: Kinh tế - Xã hội - Môi trường;

1.2.1. Phát triển bền vững về kinh tế là việc đảm bảo kết hợp hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, cân đối tốc độ tăng trưởng kinh tế với việc sử dụng các điều kiện nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, khoa học, công nghệ, đặc biệt chú trọng phát triển công nghệ sạch.

1.2.2. Phát triển bền vững về xã hội là việc phải xây dựng một xã hội có nền kinh tế tăng trưởng nhanh, ổn định, đi đôi với dân chủ công bằng và tiến bộ xã hội, trong đó giáo dục, đào tạo, y tế và phúc lợi xã hội phải được chăm lo đầy đủ và toàn diện cho mọi đối tượng trong xã hội.

1.2.3. Phát triển bền vững về môi trường là việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên tái tạo trong phạm vi chịu tải của chúng nhằm khôi phục được cả về số lượng và chất lượng, các dạng tài nguyên không tái tạo phải được sử dụng tiết kiệm và hợp lý nhất. Môi trường tự nhiên (không khí,

đất, nước, cảnh quan thiên nhiên...) và môi trường xã hội (dân số, chất lượng dân số, sức khỏe, môi trường sống, lao động và học tập của con người...) không bị các hoạt động của con người làm ô nhiễm, suy thoái và tổn hại. Các nguồn phế thải từ sản xuất và sinh hoạt được xử lý, tái chế kịp thời, vệ sinh môi trường được bảo đảm, con người được sống trong môi trường trong sạch...

## 2. Nguyên tắc chỉ đạo và các hướng ưu tiên phát triển

2.1. Con người là trung tâm của phát triển bền vững: Phát triển bền vững cần lấy con người làm đích của sự phát triển. Phát triển kinh tế kết hợp hài hòa với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Chú trọng phát triển khoa học và công nghệ, coi đây là nền tảng và động lực cho phát triển nhanh và bền vững; sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ sạch và thân thiện với môi trường. Tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Phát triển bền vững là sự nghiệp của các cấp chính quyền, của các Bộ, ngành và địa phương, của các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mọi người dân. Huy động tối đa sự tham gia của mọi người có liên quan trong việc lựa chọn các quyết định về phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường ở địa phương, ngành và trên quy mô cả nước.



## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 21 CỦA NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)

### 1. Mục đích

Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương là kế hoạch hành động, cụ thể hóa các mục tiêu, các chỉ tiêu và các giải pháp trong Định hướng Chiến lược phát triển bền vững cấp Quốc gia (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) do Thủ trưởng các Bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố tổ chức nghiên cứu, xây dựng và chỉ đạo thực hiện.

### 2. Căn cứ xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của ngành, địa phương

Chương trình Nghị sự 21 của ngành, địa phương được xây dựng trên cơ sở vận dụng 7 tiêu chuẩn đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh về phát triển bền vững tại Johannesburg (Nam Phi, năm 2002), bao gồm:

2.1. Có sự tham gia của nhiều thành phần xã hội (mọi người dân, các ngành kinh doanh, tổ chức, trường học...);

2.2. Tầm nhìn do tất cả các tầng lớp nhân dân đồng thuận đưa ra;

2.3. Gắn kết (lồng ghép) các yếu tố kinh tế, xã hội và hệ sinh thái vào mục tiêu phát triển bền vững;

2.4. Có sự hợp tác giữa chính quyền và các tổ chức địa phương trong xây dựng và điều hành thực hiện Chương trình Nghị sự 21;

2.5. Có một kế hoạch hành động cụ thể gắn với những mục tiêu lâu dài để phát triển bền vững;

2.6. Có các tiêu chí được đưa ra như là một công cụ để đánh giá và giám sát mục tiêu phát triển bền vững;

2.7. Có hệ thống giám sát và báo cáo;

Vận dụng các tiêu chuẩn nêu trên, việc xây dựng Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc như sau:

- Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương cần được xây dựng trên cơ sở phối hợp liên ngành và liên vùng; kết hợp chặt chẽ kế hoạch phát triển bền vững giữa ngành và vùng lãnh thổ; giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Việc gắn kết các yếu tố về kinh tế, xã hội và môi trường phải được thể hiện rõ trong kế hoạch phát triển bền vững của từng ngành, từng địa phương; phù hợp với chiến lược chung.

- Trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương cần có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan (các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, trường học, các tổ chức phi Chính phủ, các cơ quan Nhà nước và Chính phủ) và huy động rộng rãi sự tham gia của nhân dân. Tầm nhìn trung hạn, dài hạn; các mục tiêu,



các chỉ tiêu phát triển bền vững và các giải pháp thực hiện đều được thảo luận, bàn bạc để có sự đồng thuận trong các cộng đồng dân cư ở các địa phương.

- Coi sự nghiệp phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn dân, do dân và vì dân. Thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Huy động rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia vào các khâu: xây dựng kế hoạch hành động và phối hợp thực hiện kế hoạch đó; giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

### 3. Nội dung

Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau đây:

3.1. Đánh giá thực trạng của ngành, địa phương; rút ra những điểm mạnh, những yếu kém, tồn tại về các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở đó đối chiếu với yêu cầu của mục tiêu phát triển bền vững nêu trong Định hướng Chiến lược phát triển bền vững của cả nước.

3.2. Cụ thể hóa các quan điểm phát triển bền vững trong Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam vào việc xây dựng Chương trình Nghị sự 21 của từng ngành và từng tỉnh, thành phố.

3.3. Xác định hệ thống các mục tiêu, các chỉ tiêu phát triển bền vững của ngành, của địa phương trên 3 lĩnh vực: kinh tế, xã

hội và môi trường. Những vấn đề chính cần tập trung giải quyết là sự đói nghèo; chất lượng dân số; sức khỏe; mô hình tiêu dùng và các mô hình sản xuất, mô hình phát triển trong các ngành kinh tế; định cư, độ sạch bầu khí quyển; bảo vệ nguồn tài nguyên; giảm ô nhiễm môi trường...

3.4. Dự báo nguồn lực phát triển và khả năng huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương. Từng Bộ, ngành, địa phương cần xây dựng các chương trình, các dự án phát triển bền vững cụ thể của ngành và địa phương mình.

3.5. Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương; bao gồm hệ thống các giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển bền vững; hệ thống điều hành, giám sát; huy động đồng đảo các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể, các doanh nghiệp thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

## III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 21 CỦA NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương được xây dựng theo 4 bước sau đây:

1. Bước chuẩn bị, bao gồm các nội dung:



- Thành lập Hội đồng (hoặc Ban chỉ đạo) Phát triển bền vững của ngành và địa phương. Trường hợp chưa thể thành lập Hội đồng (hoặc Ban chỉ đạo) thì nhanh chóng hình thành nhóm công tác tạm thời và cơ quan thường trực để tiến hành các bước chuẩn bị xây dựng.

- Hội đồng, Ban chỉ đạo hoặc nhóm công tác tạm thời do Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định (có thể giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư ở các tỉnh/thành phố; Vụ Kế hoạch, hoặc các đơn vị nghiên cứu xây dựng kế hoạch, quy hoạch ở các Bộ, ngành làm cơ quan đầu mối thường trực).

- Hội đồng, Ban chỉ đạo hoặc nhóm công tác tạm thời xây dựng lịch trình, tiến độ thời gian; kế hoạch phối hợp, huy động sự tham gia của cộng đồng; phân công người phụ trách để tiến hành xây dựng Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương.

## **2. Bước điều tra cơ bản, xác định thực trạng, bao gồm các nội dung:**

Thực hiện điều tra cơ bản của ngành và điều tra tổng thể kinh tế xã hội và môi trường của địa phương, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá thực trạng của ngành, của địa phương, xác định mặt mạnh, những lợi thế và mặt yếu của thực trạng về kinh tế, xã hội và môi trường, tập trung vào những việc cụ thể như sau:

- Rà soát, cập nhật các quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm, các quy hoạch

phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

- Xây dựng hệ thống các số liệu điều tra cơ bản, các tính toán, dự báo về khả năng khai thác các lợi thế, các nguồn tiềm năng, khả năng huy động vốn để đưa vào thực hiện kế hoạch phát triển bền vững.

- So sánh về thực trạng và yêu cầu đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững, những mặt mạnh, những mặt yếu cần được khắc phục trong kế hoạch hành động.

## **3. Bước xây dựng văn kiện Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương, bao gồm các nội dung:**

- Hình thành chương trình toàn diện về phát triển bền vững của ngành và địa phương, bao gồm các vấn đề: Xây dựng các quan điểm phát triển bền vững của ngành và địa phương, các mục tiêu và hệ thống chỉ tiêu phát triển bền vững, xây dựng các dự án hành động, lựa chọn các mô hình phát triển bền vững của ngành và địa phương.

Để làm được việc này, các Bộ, các ngành, các địa phương cần tổ chức nghiên cứu kỹ Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, trên cơ sở đó, tìm ra những thách thức và trách nhiệm thuộc lĩnh vực phát triển bền vững của ngành, địa phương mình. Đề ra các mục tiêu phù hợp với các nhóm mục tiêu phát triển bền vững, lựa chọn các bước đi thích hợp, các cơ chế chính sách thực hiện.

Việc huy động rộng rãi các tầng lớp dân cư, các doanh nghiệp, các đoàn thể quần



chúng, các hội khoa học kỹ thuật, các trường đại học tham gia trong quá trình xây dựng Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương cần được quy định cụ thể, trên những nguyên tắc đã nêu ở phần trên.

- Lồng ghép các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường với nhau theo hướng gắn kết chặt chẽ, hài hòa. Việc lồng ghép sẽ được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

+ Rà soát từng nhóm mục tiêu và chỉ tiêu phát triển trong từng lĩnh vực Kinh tế - Xã hội - Môi trường trong Định hướng Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam.

+ Đưa các mục tiêu phát triển bền vững vào từng nhóm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường của ngành và địa phương. Cần nhấn mạnh các mục tiêu chất lượng, loại trừ những mục tiêu trùng lặp, hình thành một hệ thống chỉ tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội - môi trường theo hướng bền vững.

+ Hình thành các nhóm giải pháp để thực hiện các nhóm mục tiêu.

**4. Bước chỉ đạo triển khai thực hiện,** bao gồm các nội dung:

Tùy tình hình cụ thể từng địa phương, từng ngành, cần tiến hành hội nghị hoặc diễn đàn với sự tham gia rộng rãi của các tổ chức, các đoàn thể thông qua Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương,

khởi động và phân công trách nhiệm thúc đẩy thực hiện Chương trình trên cơ sở sau:

- Xây dựng chương trình hành động thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của ngành và địa phương; Phân công cụ thể các cá nhân, đơn vị phụ trách chỉ đạo, theo dõi từng vấn đề, từng nhóm mục tiêu thật cụ thể.

- Xây dựng hệ thống giám sát và chế độ thỉnh thị báo cáo định kỳ.

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá về việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của ngành và địa phương.

- Xây dựng chế độ trách nhiệm, cơ chế hợp tác trong việc huy động các ngành, các cấp, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong địa phương tham gia thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

#### IV. KINH PHÍ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 21 CỦA NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

- Kinh phí để xây dựng và thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương do Bộ/ngành và địa phương huy động từ mọi nguồn lực. Trong đó cần vận động sự hỗ trợ giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, huy động từ các nguồn của các doanh nghiệp, sự đóng góp của các tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư....

- Trong giai đoạn xây dựng Chương trình Nghị sự 21, các Bộ/ngành, địa phương được sử dụng nguồn vốn điều tra cơ bản, vốn

LawSoh \* Tel: +84-8-3845 684 www.ThuVienPhapQuat.com

quy hoạch, vốn chuẩn bị đầu tư do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện những nội dung có liên quan.

- Trong giai đoạn thực hiện Chương trình Nghị sự 21, các Bộ/ngành, địa phương được huy động các nguồn vốn để thực hiện các dự án được phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, xây dựng và chỉ đạo thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương mình.

- Hàng năm, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phát triển bền vững ở Bộ/ngành, địa phương mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp vào kế hoạch hàng năm của Nhà nước, đồng thời có báo cáo định kỳ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tiến độ thực hiện để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh mới, đề nghị các Bộ/ngành và địa phương thông báo kịp thời tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp, tìm những giải pháp phù hợp để thực hiện nghiêm

túc Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ nhằm thực hiện thành công Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững ở Việt Nam.

- Thông tư hướng dẫn này có giá trị thực hiện sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH  
VÀ ĐẦU TƯ

**Võ Hồng Phúc**

*BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI*

**QUYẾT ĐỊNH số 198/2005/QĐ-  
BLĐTBXH ngày 07/3/2005 của  
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương  
binh và Xã hội về việc ban hành  
Quy chế tạm thời sử dụng  
phiếu tự kiểm tra thực hiện  
pháp luật lao động.**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 12 tháng 4 năm 2002;*